

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2025/LĐ-ST**

Ngày: 23 - 9 - 2025

*“Về việc Tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 02/2025/TLST-LĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-LĐ ngày 27/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-LĐ ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thanh N** - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (nay là thôn T, phường H, thành phố Đà Nẵng). *Có mặt*

* Bị đơn: **Công ty TNHH S** - Trụ sở: Lô X, đường số E, KCN H, phường L, thành phố Đà Nẵng - Đại diện theo pháp luật: Ông Nozaki M, chức vụ: Giám đốc. *Vắng mặt*

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Đỗ Thị Huyền T** - Sinh năm 1998 - Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn C, xã P, tỉnh Đồng Nai). *Vắng mặt*

2/ **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ**; Trụ sở: số D đường X, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh N trình bày:*

Vào tháng 3 năm 2014 bà Đỗ Thị Huyền T có mượn Chứng minh nhân dân của bà Võ Thị Thanh N (Chứng minh nhân dân số 201627011 do Công an thành phố Đ cấp ngày 22/6/2011) để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội, sổ bảo hiểm xã hội số 4814012588 mang tên Võ Thị Thanh N. Lý do bà Đỗ Thị Huyền T mượn Chứng minh nhân dân của bà N là do bà T chưa đủ 18 tuổi để có thể trực tiếp ký kết hợp đồng lao động. Bà T làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 4 năm 2014 đến đầu tháng 7 năm 2015 thì nghỉ việc. Cũng trong thời gian này bà Võ Thị Thanh N đang làm việc tại Công ty TNHH Đ và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm xã hội là 4812019422.

Do đó, bà Võ Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Thanh N (do bà Đỗ Thị Huyền T mượn hồ sơ của bà Võ Thị Thanh N giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH S từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Bà Võ Thị Thanh N không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

** Bị đơn là Công ty TNHH S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Tại Đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Huyền T trình bày:*

Vào năm 2013 do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Đỗ Thị Huyền T đi xin việc làm để phụ giúp gia đình nhưng không được chấp nhận do chưa đủ tuổi, vì vậy bà T đã mượn Chứng minh nhân dân của bà Võ Thị Thanh N để ký kết hợp đồng lao động với TNHH S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

** Tại Công văn số 152/BHXXH-QLT ngày 22.9.2025, Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 thuộc Bảo hiểm xã hội thành phố Đ trình bày:*

Bà Võ Thị Thanh N, sinh ngày: 04/10/1992, CCCD: 048192003233, có 3 sổ Bảo hiểm xã hội:

Sổ Bảo hiểm xã hội 4812019422 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH Đ (Đà Nẵng) từ tháng 06/2012 đến tháng 02/2016; tại Công ty cổ phần Q - Chi nhánh thành phố Đ từ tháng 05/2016 đến tháng 10/2017; tại Công ty TNHH Đ1 từ tháng 01/2019 đến tháng 02/2019 và tại Công ty TNHH S từ tháng 06/2019 đến tháng 04/2022; chưa thanh toán chế độ BHXH một lần; đã hưởng trợ cấp thất nghiệp, còn bảo lưu 07 tháng theo Quyết định số 868 ngày 19/01/2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Đ (cũ) và Quyết định số 1212 ngày 09/7/2025 của Sở Nội vụ thành phố Đ.

Sổ BHXH 4814012588 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH S từ tháng 4/2014 đến tháng 7/2015; chưa thanh toán chế độ BHXH một lần; chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Sổ BHXH 4813031434 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH Đ2 tháng 10/2013; chưa thanh toán chế độ BHXH một lần; chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp.

**** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4:***

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Huyền T đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là Công ty TNHH S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Thanh N và Công ty TNHH S từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người trực tiếp tham gia lao động là bà Đỗ Thị Huyền T trong khi thông tin ký hợp đồng lao động là bà Võ Thị Thanh N; bà Võ Thị Thanh N không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Võ Thị Thanh N và Công ty TNHH S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn là Công ty TNHH S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bị đơn là bà Đỗ Thị Huyền T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Về thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân trước khi khởi kiện: Bà Võ Thị Thanh N đã nộp đơn yêu cầu hòa giải đến Phòng Nội vụ quận L, thành phố Đà Nẵng (cũ) để yêu cầu hòa giải. Tại Công văn số 137/PNV-LĐVL ngày 07.5.2025 của Phòng Nội vụ quận L cho rằng đối với việc người lao động mượn hồ sơ của người khác là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Võ Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Thanh N (do bà Đỗ Thị Huyền T mượn hồ sơ của bà Võ Thị Thanh N giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH S từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Hội đồng xét xử xét thấy, dù nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh N, người liên quan là bà Đỗ Thị Huyền T không cung cấp được hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S và bà Võ Thị Thanh N; bị đơn là Công ty TNHH S không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên,

tại Công văn số 152/BHXX-QLT ngày 22.9.2025, Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 xác định bà Võ Thị Thanh N có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015, số sổ BHXH 4814012588 đồng thời bà Võ Thị Thanh N có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Đ từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 02 năm 2016 với số sổ bảo hiểm xã hội là 4812019422.

Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 bà Võ Thị Thanh N cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH S và Công ty TNHH Đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Huyền T trình bày thống nhất từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 bà Võ Thị Thanh N làm việc tại Công ty TNHH Đ và bà Đỗ Thị Huyền T mượn Chứng minh nhân dân của bà N để giao kết hợp đồng và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH S. Bị đơn là Công ty TNHH S mặc dù đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh N trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định bà Võ Thị Thanh N không ký kết hợp đồng lao động và tham gia lao động tại Công ty TNHH S từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015. Như vậy, việc bà Đỗ Thị Huyền T ký hợp đồng và tham gia lao động tại Công ty TNHH S nhưng với tên bà Võ Thị Thanh N là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động nêu trên là không có hiệu lực. Bà Võ Thị Thanh N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Thanh N và Công ty TNHH S từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 là vô hiệu do không đúng người tham gia lao động ký kết hợp đồng lao động là có cơ sở cần chấp nhận. Bà Võ Thị Thanh N không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh N tự nguyện chịu nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 15, khoản 1, khoản 4 Điều 30, Điều 49 Bộ luật lao động năm 1994; Khoản 2, khoản 7 Điều 188, Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh N về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Thanh N và Công ty TNHH S từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động (người trực tiếp tham gia lao động là bà Đỗ Thị Huyền T trong khi thông tin ký hợp đồng lao động là bà Võ Thị Thanh N).

2. Án phí lao động sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Võ Thị Thanh N tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000412 ngày 14/7/2015 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan riêng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI